

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 15

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000001	Nguyễn Thành An	20/10/2009	Nam	11B4	
2	11000002	Bùi Thị Mỹ Anh	16/07/2009	Nữ	11B9	
3	11000003	Nguyễn Đức Anh	19/09/2009	Nam	11B4	
4	11000005	Nguyễn Phước Anh	23/08/2009	Nam	11B9	
5	11000006	Phạm Trần Tú Anh	24/04/2009	Nữ	11B2	
6	11000007	Trương Võ Hoàng Anh	24/06/2009	Nam	11B3	
7	11000008	Lê Thụy Thùy Ánh	27/06/2009	Nữ	11B4	
8	11000009	Nguyễn Hoàng Ân	26/04/2009	Nam	11B1	
9	11000010	Lê Thị Hải Âu	01/06/2009	Nữ	11B9	
10	11000011	Cao Chí Bảo	09/08/2009	Nam	11B3	
11	11000013	Nguyễn Gia Bảo	04/02/2009	Nam	11B8	
12	11000016	Phạm Minh Bảo	26/09/2009	Nam	11B1	
13	11000018	Phạm Xuân Bắc	11/11/2009	Nam	11B2	
14	11000022	Đinh Thị Mỹ Châu	05/01/2009	Nữ	11B8	
15	11000023	Đỗ Minh Châu	11/05/2009	Nữ	11B3	
16	11000025	Nguyễn Thị Diệu Châu	09/09/2009	Nữ	11B1	
17	11000026	Nguyễn Thị Kim Châu	30/05/2009	Nữ	11B1	
18	11000028	Đỗ Thị Thùy Chi	12/09/2009	Nữ	11B4	
19	11000030	Phạm Thùy Chi	06/06/2009	Nữ	11B1	
20	11000031	Bùi Đức Chí	21/10/2009	Nam	11B2	
21	11000034	Nguyễn Thị Kim Chung	18/10/2009	Nữ	11B9	
22	11000035	Nguyễn Thành Chương	02/03/2009	Nam	11B2	
23	11000036	Trần Văn Công	25/02/2009	Nam	11B4	
24	11000039	Nguyễn Đặng Thành Danh	06/09/2009	Nam	11B1	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 16

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000042	Phạm Xuân Diễm	20/05/2009	Nữ	11B9	
2	11000044	Vũ Thị Ái Diễm	01/10/2009	Nữ	11B2	
3	11000047	Tiêu Tuấn Du	16/03/2009	Nam	11B4	
4	11000049	Phạm Bá Duy	08/06/2009	Nam	11B1	
5	11000050	Trương Quốc Duy	26/03/2009	Nam	11B2	
6	11000051	Đoàn Thị Mỹ Duyên	07/03/2009	Nữ	11B8	
7	11000054	Nguyễn Ngọc Kiều Duyên	10/02/2009	Nữ	11B8	
8	11000055	Nguyễn Thị Bích Duyên	08/09/2009	Nữ	11B8	
9	11000056	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2009	Nữ	11B9	
10	11000058	Trần Mỹ Duyên	02/03/2009	Nữ	11B4	
11	11000059	Nguyễn Minh Dương	10/06/2009	Nam	11B2	
12	11000060	Nguyễn Thị Hiếu Dương	14/08/2009	Nữ	11B8	
13	11000061	Trần Thị Ngọc Dương	04/01/2009	Nữ	11B3	
14	11000063	Trịnh Quốc Đại	28/03/2009	Nam	11B4	
15	11000065	Nguyễn Kim Đan	27/09/2009	Nữ	11B3	
16	11000066	Nguyễn Thị Minh Hoài Đan	29/01/2009	Nữ	11B1	
17	11000070	Ngô Anh Đức	06/12/2009	Nam	11B4	
18	11000071	Nguyễn Hồ Huỳnh Đức	29/05/2009	Nam	11B3	
19	11000076	Nguyễn Hiếu Hà	09/11/2009	Nữ	11B1	
20	11000080	Đồng Thanh Hải	22/02/2009	Nam	11B1	
21	11000081	Lý Hải	19/01/2009	Nam	11B2	
22	11000084	Phạm Thị Hạnh	06/06/2009	Nữ	11B2	
23	11000085	Trần Minh Hào	19/11/2009	Nam	11B1	
24	11000087	Đỗ Thị Thanh Hằng	12/08/2009	Nữ	11B8	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 17

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000089	Lê Bảo Hân	07/11/2009	Nữ	11B8	
2	11000092	Tạ Gia Hân	02/05/2009	Nữ	11B8	
3	11000093	Bùi Thị Thu Hiền	02/07/2009	Nữ	11B4	
4	11000094	Huỳnh Thị Hiền	02/07/2009	Nữ	11B2	
5	11000095	Phạm Thanh Hiền	10/02/2009	Nam	11B1	
6	11000096	Phạm Thị Hiền	05/12/2009	Nữ	11B8	
7	11000097	Đặng Tấn Hiếu	07/06/2009	Nam	11B2	
8	11000098	Nguyễn Duy Hiếu	04/10/2009	Nam	11B3	
9	11000099	Nguyễn Như Hiếu	04/10/2009	Nữ	11B2	
10	11000100	Phạm Hoàng Hiếu	02/11/2009	Nam	11B8	
11	11000101	Phạm Văn Hiếu	27/07/2009	Nam	11B3	
12	11000102	Lê Thị Thúy Hoa	09/04/2009	Nữ	11B3	
13	11000104	Trần Thị Mỹ Hoa	02/06/2009	Nữ	11B8	
14	11000105	Nguyễn Thị Hải Hòa	28/07/2009	Nữ	11B8	
15	11000106	Phan Lê Như Huệ	28/02/2009	Nữ	11B8	
16	11000107	Nguyễn Đức Huy	29/08/2009	Nam	11B3	
17	11000108	Nguyễn Đức Huy	25/12/2009	Nam	11B2	
18	11000109	Nguyễn Thành Huy	30/10/2009	Nam	11B2	
19	11000112	Phan Nguyễn Nhất Huy	26/11/2009	Nam	11B1	
20	11000113	Tiêu Quang Huy	12/09/2009	Nam	11B4	
21	11000117	Lê Thị Huyền	28/02/2009	Nữ	11B8	
22	11000118	Trương Khánh Huyền	29/07/2009	Nữ	11B8	
23	11000121	Lê Mạnh Hưởng	13/08/2009	Nam	11B2	
24	11000122	Nguyễn Minh Hữu	07/06/2009	Nam	11B4	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 18

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000124	Nguyễn Anh Kha	22/09/2009	Nam	11B2	
2	11000125	Nguyễn Công Kha	12/12/2009	Nam	11B3	
3	11000126	Nguyễn Hồng Khải	15/10/2009	Nam	11B1	
4	11000127	Nguyễn Xuân Khải	13/01/2009	Nam	11B3	
5	11000130	Nguyễn Tấn Khang	05/02/2009	Nam	11B4	
6	11000131	Nguyễn Văn Chấn Khang	25/12/2009	Nam	11B9	
7	11000132	Nguyễn Vũ Khang	01/08/2008	Nam	11B4	
8	11000133	Lê Bùi Thục Khanh	10/01/2009	Nữ	11B1	
9	11000138	Vũ Hoàng Quốc Khánh	17/08/2009	Nam	11B3	
10	11000139	Bùi Nguyễn Anh Khoa	13/05/2009	Nam	11B8	
11	11000141	Nguyễn Bá Khoa	13/09/2009	Nam	11B3	
12	11000143	Nguyễn Đăng Khoa	17/08/2009	Nam	11B9	
13	11000144	Nguyễn Đăng Khoa	12/07/2009	Nam	11B2	
14	11000146	Phan Tấn Khôi	17/11/2009	Nam	11B3	
15	11000149	Nguyễn Bảo Khuyên	20/08/2009	Nữ	11B2	
16	11000150	Nguyễn Đức Kiên	01/01/2009	Nam	11B1	
17	11000152	Phù Trung Kiên	04/05/2009	Nam	11B2	
18	11000153	Đoàn Võ Duy Kiệt	21/06/2009	Nam	11B3	
19	11000156	Võ Duy Kiệt	14/09/2009	Nam	11B3	
20	11000157	Võ Hoàng Kiệt	16/01/2009	Nam	11B2	
21	11000158	Nguyễn Thị Thảo Kim	25/11/2009	Nữ	11B9	
22	11000159	Nguyễn Tấn Kính	29/03/2008	Nam	11B4	
23	11000161	Bùi Nguyễn Hà Lâm	13/12/2009	Nữ	11B9	
24	11000162	Nguyễn Đức Bảo Lâm	29/04/2009	Nam	11B4	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 19

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000163	Vũ Hoài Gia Lê	03/10/2009	Nữ	11B3	
2	11000167	Trịnh Hoài Linh	09/04/2009	Nam	11B2	
3	11000169	Trương Hoàng Nhật Linh	04/09/2009	Nữ	11B8	
4	11000170	Võ Thị Mỹ Linh	14/03/2009	Nữ	11B1	
5	11000171	Võ Thị Ngọc Linh	09/04/2009	Nữ	11B8	
6	11000172	Võ Hoàng Long	29/07/2009	Nam	11B4	
7	11000173	Trần Tấn Lồng	25/09/2008	Nam	11B3	
8	11000174	Lê Trung Luân	08/12/2009	Nam	11B3	
9	11000175	Thới Văn Luân	17/04/2009	Nam	11B3	
10	11000176	Võ Đức Lưu	19/10/2009	Nam	11B2	
11	11000180	Trần Thị Yến Ly	22/06/2009	Nữ	11B4	
12	11000182	Võ Thị Cẩm Ly	19/04/2009	Nữ	11B9	
13	11000186	Trần Nhất Mao	06/11/2009	Nam	11B3	
14	11000187	Hồ Văn Minh	31/05/2009	Nam	11B4	
15	11000188	Lê Nguyễn Bình Minh	07/05/2009	Nam	11B1	
16	11000190	Bùi Đỗ Huyền My	01/01/2009	Nữ	11B9	
17	11000192	Nguyễn Thị Kiều My	06/10/2009	Nữ	11B2	
18	11000195	Nguyễn Thị Mỹ	13/03/2009	Nữ	11B3	
19	11000196	Nguyễn Phạm Ty Na	09/11/2009	Nữ	11B8	
20	11000200	Vương Trần Tấn Nam	22/01/2009	Nam	11B2	
21	11000202	Trương Thị Thúy Nga	19/04/2009	Nữ	11B1	
22	11000211	Phạm Thu Ngân	08/11/2009	Nữ	11B4	
23	11000212	Trần Tô Diệu Ngân	15/04/2009	Nữ	11B8	
24	11000213	Trương Thị Thu Ngân	10/08/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 20

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000218	Huỳnh Minh Nghiêm	11/05/2009	Nam	11B4	
2	11000219	Bùi Thị Như Ngọc	23/12/2009	Nữ	11B2	
3	11000221	Lê Quý Như Ngọc	17/05/2009	Nữ	11B8	
4	11000223	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/04/2009	Nữ	11B8	
5	11000226	Phan Thùy Ngọc	22/02/2009	Nữ	11B1	
6	11000229	Nguyễn Duy Nguyên	04/04/2009	Nam	11B4	
7	11000230	Nguyễn Đan Nguyên	17/01/2009	Nam	11B9	
8	11000231	Nguyễn Thị Nguyên	23/10/2009	Nữ	11B8	
9	11000232	Võ Phan Hoàng Nguyên	05/01/2009	Nam	11B9	
10	11000234	Tiêu Viết Nhã	22/09/2009	Nam	11B2	
11	11000236	Đặng Thiện Nhân	19/04/2009	Nam	11B9	
12	11000237	Phạm Văn Nhân	25/01/2009	Nam	11B3	
13	11000238	Võ Duy Nhân	05/05/2009	Nam	11B4	
14	11000239	Võ Thiện Nhân	27/04/2009	Nam	11B3	
15	11000241	Trần Quang Đệ Nhất	04/10/2009	Nam	11B4	
16	11000245	Đỗ Phạm Yến Nhi	27/04/2009	Nữ	11B2	
17	11000246	Đỗ Thị Nhi	16/10/2009	Nữ	11B3	
18	11000248	Huỳnh Thị Yến Nhi	15/01/2009	Nữ	11B1	
19	11000249	Lương Thị Yến Nhi	21/06/2009	Nữ	11B8	
20	11000256	Võ Thị Uyên Nhi	06/02/2009	Nữ	11B8	
21	11000257	Nguyễn Thị An Nhiên	25/10/2009	Nữ	11B4	
22	11000259	Võ Thị Ý Nhiên	19/11/2009	Nữ	11B1	
23	11000263	Võ Thị Thu Nhung	08/01/2009	Nữ	11B8	
24	11000269	Trương Phạm Tâm Như	07/10/2009	Nữ	11B1	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 21

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000271	Đỗ Nguyễn Quốc Ninh	25/01/2009	Nam	11B9	
2	11000272	Đặng Thị Nữ	27/07/2009	Nữ	11B2	
3	11000273	Huỳnh Ngọc Nữ	02/12/2009	Nữ	11B1	
4	11000275	Phạm Thị Yên Nữ	08/09/2009	Nữ	11B1	
5	11000277	Nguyễn Bùi Phương Ny	09/04/2009	Nữ	11B9	
6	11000278	Nguyễn Thị Bích Ny	06/07/2009	Nữ	11B3	
7	11000281	Nguyễn Việt Phương Oanh	05/05/2009	Nữ	11B8	
8	11000282	Nguyễn Duy Phát	17/01/2009	Nam	11B1	
9	11000284	Nguyễn Võ Tấn Phát	16/11/2009	Nam	11B3	
10	11000285	Đào Thị Quỳnh Phi	30/10/2009	Nữ	11B8	
11	11000286	Nguyễn Hoàng Phi	25/08/2009	Nam	11B1	
12	11000289	Hoàng Đặng Phong	03/09/2009	Nam	11B1	
13	11000291	Nguyễn Duy Phong	23/06/2009	Nam	11B1	
14	11000294	Huỳnh Thị Thu Phú	25/06/2009	Nữ	11B8	
15	11000296	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	26/07/2009	Nam	11B1	
16	11000298	Trần Thanh Phúc	06/12/2009	Nam	11B9	
17	11000299	Nguyễn Hoàng Phước	01/06/2009	Nam	11B8	
18	11000301	Nguyễn Văn Phước	03/09/2009	Nam	11B9	
19	11000302	Phạm Hoàng Phước	06/08/2009	Nam	11B1	
20	11000303	Phạm Văn Phước	21/10/2009	Nam	11B3	
21	11000305	Đặng Hà Phương	29/11/2009	Nữ	11B9	
22	11000308	Nguyễn Anh Quân	02/05/2009	Nam	11B2	
23	11000310	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	27/08/2009	Nữ	11B8	
24	11000312	Phan Thị Ngọc Quyên	05/09/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 22

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000318	Bùi Xuân Quỳnh	25/10/2009	Nam	11B9	
2	11000322	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	30/12/2009	Nữ	11B9	
3	11000327	Nguyễn Tấn Sang	30/01/2009	Nam	11B3	
4	11000328	Nguyễn Công Sinh	18/10/2009	Nam	11B3	
5	11000334	Nguyễn Tuấn Tâm	28/01/2009	Nam	11B2	
6	11000335	Phạm Thị Thanh Tâm	15/11/2009	Nữ	11B1	
7	11000337	Nguyễn Ngọc Thạch	20/10/2009	Nam	11B3	
8	11000340	Đỗ Minh Thành	10/10/2009	Nam	11B2	
9	11000342	Bùi Thị Thảo	04/10/2009	Nữ	11B3	
10	11000348	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/01/2009	Nữ	11B8	
11	11000349	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/01/2009	Nữ	11B3	
12	11000350	Phạm Thị Hoàng Thắm	04/01/2009	Nữ	11B8	
13	11000351	Dương Nguyễn Hữu Thắng	30/03/2009	Nam	11B2	
14	11000352	Võ Hoài Thế	19/01/2009	Nam	11B2	
15	11000353	Thới Lê Nhất Thiên	06/10/2009	Nam	11B8	
16	11000354	Hồ Ngọc Thiện	25/11/2009	Nam	11B9	
17	11000355	Tạ Đình Thiện	10/02/2009	Nam	11B4	
18	11000356	Võ Thiện	20/01/2009	Nam	11B4	
19	11000358	Nguyễn Sinh Thịnh	13/10/2009	Nam	11B3	
20	11000363	Bùi Quỳnh Thơm	21/09/2009	Nam	11B3	
21	11000366	Huỳnh Thị Thúy	18/06/2009	Nữ	11B4	
22	11000373	Nguyễn Minh Thư	20/11/2009	Nữ	11B3	
23	11000377	Nguyễn Thị Anh Thư	25/10/2009	Nữ	11B9	
24	11000382	Tiêu Thị Quỳnh Thư	30/06/2009	Nữ	11B8	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 23

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000383	Vũ Thị Anh Thư	20/10/2009	Nữ	11B8	
2	11000386	Phạm Duy Thường	17/10/2009	Nam	11B4	
3	11000387	Bùi Bảo Thy	11/07/2009	Nữ	11B8	
4	11000389	Nguyễn Đặng Bảo Thy	22/12/2009	Nữ	11B1	
5	11000392	Lê Thị Kim Tiên	02/04/2009	Nữ	11B9	
6	11000393	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	23/03/2009	Nữ	11B9	
7	11000394	Trần Văn Tiên	28/02/2009	Nam	11B4	
8	11000396	Trần Mạnh Tiến	12/04/2009	Nam	11B9	
9	11000397	Nguyễn Tấn Tinh	12/02/2009	Nam	11B9	
10	11000398	Trần Thị Kim Tỏa	27/01/2009	Nữ	11B9	
11	11000399	Đinh Phạm Hữu Toàn	09/05/2009	Nam	11B4	
12	11000401	Đồng Thị Minh Trang	19/12/2009	Nữ	11B1	
13	11000402	Lê Phương Trang	22/11/2009	Nữ	11B1	
14	11000403	Nguyễn Thị Thu Trang	24/09/2009	Nữ	11B1	
15	11000404	Phạm Nguyễn Mai Trang	07/10/2009	Nữ	11B2	
16	11000405	Phan Thị Trang	24/01/2009	Nữ	11B4	
17	11000406	Bùi Bảo Trâm	31/03/2009	Nữ	11B1	
18	11000407	Bùi Nguyễn Quỳnh Trâm	02/03/2009	Nữ	11B3	
19	11000409	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	11/02/2009	Nữ	11B9	
20	11000410	Phạm Minh Trâm	31/08/2009	Nữ	11B9	
21	11000413	Đỗ Anh Trí	19/02/2009	Nam	11B1	
22	11000414	Trần Quang Trí	11/08/2009	Nam	11B4	
23	11000415	Nguyễn Minh Triết	27/01/2009	Nam	11B4	
24	11000418	Nguyễn Thị Kiều Trinh	29/12/2009	Nữ	11B9	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 24

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000420	Võ Ngọc Trinh	22/10/2009	Nam	11B9	
2	11000421	Hà Lê Minh Trọng	01/05/2009	Nam	11B9	
3	11000423	Đặng Thị Trúc	14/10/2009	Nữ	11B3	
4	11000425	Đặng Hữu Trung	07/04/2009	Nam	11B3	
5	11000427	Nguyễn Quốc Trung	19/03/2009	Nam	11B2	
6	11000428	Nguyễn Huỳnh Phi Trường	22/09/2009	Nam	11B8	
7	11000429	Nguyễn Quốc Trường	01/01/2009	Nam	11B4	
8	11000431	Đỗ Nhật Tú	13/10/2009	Nữ	11B1	
9	11000432	Lê Văn Tú	30/07/2009	Nam	11B4	
10	11000433	Nguyễn Thị Cẩm Tú	22/02/2009	Nữ	11B4	
11	11000434	Phan Bùi Tuấn Tú	31/01/2009	Nam	11B8	
12	11000435	Huỳnh Anh Tuấn	26/07/2009	Nam	11B2	
13	11000436	Nguyễn Minh Tuấn	26/03/2009	Nam	11B4	
14	11000437	Nguyễn Thanh Tuấn	30/05/2009	Nam	11B8	
15	11000440	Trương Tiến Tuấn	10/09/2009	Nam	11B4	
16	11000441	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/02/2009	Nữ	11B9	
17	11000445	Nguyễn Văn Tý	28/11/2009	Nam	11B9	
18	11000448	Nguyễn Thành Vần	02/01/2009	Nam	11B2	
19	11000449	Nguyễn Thị Vần	24/10/2009	Nữ	11B8	
20	11000451	Phạm Thị Yến Vi	30/04/2009	Nữ	11B9	
21	11000453	Đặng Lan Viên	14/11/2009	Nữ	11B8	
22	11000456	Phan Khánh Việt	13/08/2009	Nam	11B2	
23	11000458	Lê Phạm Văn Vín	01/08/2009	Nam	11B9	
24	11000463	Thái Ngọc Vũ	02/06/2009	Nam	11B4	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 25

[illegible]

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm